

TRAO ĐỔI

PHÁP THUẬN CÓ PHẢI LÀ TÁC GIẢ BÀI THƠ NAM QUỐC SƠN HÀ ?

Phạm Võ Thanh Hà*

Người khẳng định luận điểm Pháp Thuận “sáng tác bài thơ” *Nam quốc sơn hà* một cách tự tin, chắc chắn, rõ ràng là Giáo sư Lê Mạnh Thát - được trình bày khá đầy đủ trong cuốn *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 2).⁽¹⁾

Cần phải khẳng định ngay rằng: với kiến văn còn hạn hẹp, người viết không hề có ý định “đọc” nguyên cả cuốn sách của ông Thát, vốn bao quát một “thời gian đằng đẵng, không gian mênh mông” mà chỉ muốn trao đổi đôi điều qua số trang ít ỏi tác giả cuốn sách bàn về tác giả bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

Ông Thát quả đã dày công, tìm đúng hướng đi khi đặt *Nam quốc sơn hà* trong không gian văn hóa Đại Việt những thập niên đầu thời tự chủ - lúc “vua Lê Đại Hành và tướng quân Phạm Cự Lượng đóng quân ở sông Đồ Lỗ”. Ông dẫn theo *Lĩnh Nam chí chích quái* 2 (tờ 74-75):

“Vua Đại Hành ban đêm mơ thấy hai người thần vái ở trên sông nói: Anh em thần, một người tên Trương Hồng, một người tên Trương Hát, trước thờ Triệu Việt Vương thường theo chinh phạt bọn giặc dữ, mà có được thiên hạ. Đến sau, Lý Nam Đế chiếm nước, nghe tiếng anh em thần, cho vời đến. Thần về nghĩa không thể đến, uống thuốc độc mà chết. Thượng đế thương kẻ có công, mà khen lòng trung nghĩa một tiết, ban cho tướng quan thần bộ, thống lĩnh quỷ binh. Nay thấy quân Tống vào cõi làm khổ sinh linh nước ta, nên bọn thần đến gặp xin cùng vua đánh bọn giặc này để cứu sinh dân.

Vua Đại Hành kinh ngạc thức dậy gọi bề tôi hầu cận, nói: “Đây là thần giúp ta vậy”. Bèn liền lập tức rước thuyền vua đốt hương làm lễ xin rằng: “Thần nhân có thể giúp ta thành được công nghiệp này thì việc phong thưởng và cúng đơm muôn đời sẽ không hết”. Vua cho giết sinh lao để tế, đem các món áo mũ tiền giấy và voi ngựa đốt đi để ban cho. Đêm ấy lại mơ thấy hai thần nhân cùng mặc áo mũ đã ban, đến trước vua bái tạ. Đến đêm hôm sau, vua mơ thấy một thần nhân đem quỷ bộ áo trắng từ phía nam Bình Giang tới, và một vị thần nhân đem quỷ bộ áo đỏ từ sông Như Nguyệt xuống. Cả hai đều nhắm trại giặc mà đánh.

Ngày 2 tháng 10, vào lúc canh ba nửa đêm, khí trời tối mịt, gió lớn mưa dòn nổ ra, quân Tống tan vỡ. Thần mập mờ đứng trên không trung, cao tiếng ngâm:

*Nước Nam sông núi vua Nam ở
Rành rẽ phân chia tại sách trời*

* Cục Văn hóa cơ sở, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*Giặc nghịch sao nay dám phạm đến
Chúng bay chuốc bại chắc ngay thôi.*

(Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên dĩ định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư)

Quân Tống nghe thế chen nhau tứ tán, mỗi kẻ tự chạy trốn, bị bắt sống không thể kể xiết. Quân Tống đại bại rút lui. Vua Đại Hành đem quân về mừng thắng trận, phong thưởng cho hai thần nhân, người em là Uy Địch Đại Vương, lập đền thờ tại Tam Kỳ Giang ở Long Nhãn, sai dân Long Nhãn và Bình Giang phụng thờ. Người anh là Khước Địch Đại Vương, lập đền thờ ở sông Như Nguyệt, sai dân ven sông phụng thờ, đến nay vẫn còn”.

Từ “nguồn thông tin đầu tiên” về bài thơ thần *Nước Nam sông núi* cho thấy nó “đã được đọc lên trong cuộc chiến tranh năm 981”, “có liên hệ với vua Lê Đại Hành”, Lê Mạnh Thát bác bỏ khả năng tác giả *Nam quốc sơn hà* là Lý Thường Kiệt: “bài thơ thần phải được coi là xuất hiện dưới thời Lê Đại Hành... chứ không phải trong cuộc chiến tranh năm 1076 với Lý Thường Kiệt”.

Song đáng tiếc là “phát hiện”, lập luận và chứng minh trên đây của Lê tiên sinh hoàn toàn mang ý nghĩa “đập tung một một cánh cửa đã mở”.

Nhìn theo chiều lịch đại, người đầu tiên muốn giành quyền tác giả bài thơ *Nam quốc sơn hà* cho Lý Thường Kiệt là Hoàng Cao Khải. Trong tác phẩm *Việt sử yếu* (hoàn thành năm 1914), dù không đưa ra bất kỳ bằng chứng nào thuyết phục, họ Hoàng vẫn thẳng mực Tàu viết: “Tục truyền bài thi ấy (*Nam quốc sơn hà Nam đế cư/ Tiệt nhiên định phận tại thiên thư...* - TG) là do thần nhân ứng mộng, còn chúng tôi thì cho *bài thi ấy là do Lý Thường Kiệt sáng tác để kỷ niệm chiến công vậy*”.⁽²⁾ Tuy nhiên, nói cho công bằng, sai lầm mà Diên Mậu quận công gởi lại với thời gian không ảnh hưởng nhiều đến nhận thức của các học giả lớp sau - một phần, đương thời họ Hoàng gắn liền với hai chữ “Việt gian” nên con người và trước tác của ông một thời gian dài không được coi trọng (thơ đương thời chế giễu Hoàng: *Pháp-Nam hai nước một công thần*); phần khác, cho đến năm 1941, *Việt sử yếu* vẫn chưa được trước bạ trong *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm (phần viết về Thái Hà Diên Mậu ở tư cách tác gia).

Năm 1917, trong *Sơ học An Nam sử lược* (in lần thứ 2 năm 1918 nó được lấy tên *Việt Nam sử lược*), Trần Trọng Kim viết: “Lúc bấy giờ, quân nhà Tống đánh hăng lắm, Lý Thường Kiệt hết sức chống giữ, nhưng sợ quân mình có ngã lòng chẳng, bèn đặt ra một chuyện nói rằng có thần cho bốn câu thơ...”.⁽³⁾ Từ Trần Trọng Kim, nhiều học giả tiếp nối gần như đã “chúng khẩu đồng từ” khẳng định võ tướng họ Lý là tác giả thi phẩm *Nam quốc sơn hà*.

Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu* (viết xong năm 1941) chấp bút: “Lý Thường Kiệt khi chống nhau với quân địch, có làm bài thơ để khuyến khích tướng sĩ, lời lẽ thật khảng khái”.⁽⁴⁾

Một năm sau (1942), Nguyễn Đồng Chi trong *Việt Nam cổ văn học sử* viết: “Thường Kiệt khi thúc cự quân địch, một hôm giả thác chuyện nằm chiêm bao thấy có một vị thần cho bài thơ rằng...”.⁽⁵⁾

Đến năm 1949, với tác phẩm *Lý Thường Kiệt*, học giả Hoàng Xuân Hãn bày tỏ: “Sự thật có lẽ như tôi đã theo ý Trần Trọng Kim, nhận rằng *thơ là của Lý Thường Kiệt*”.⁽⁶⁾

Thời chống thực dân Pháp, rồi cả nước đánh Mỹ và thắng Mỹ, bài thơ *Nam quốc sơn hà* tiếp tục được cho là của Lý Thường Kiệt - bởi dư luận chủ yếu quan tâm đến nội dung thi phẩm chứ không tìm hiểu về tác giả văn bản.

Những năm 1977-1980, trong nhiều chuyên khảo văn học lớn, bài thơ *Nam quốc sơn hà* vẫn gắn với tên tuổi võ tướng họ Lý. Nguyễn Huệ Chi qua phần khảo luận văn bản trong cuốn *Thơ văn Lý-Trần* (tập 1) viết: “Có lẽ Lý Thường Kiệt đã tạo ra câu chuyện thần linh đó để khích lệ tinh thần quân sĩ. Bài thơ đã góp phần không nhỏ vào việc đánh bại quân Tống”.⁽⁷⁾

Lịch sử văn học Việt Nam (tập 1, 1980) hãy còn đây dòng chữ: “Năm 1076, để khích lệ quân sĩ trong cuộc quyết chiến với quân xâm lược Tống ở sông Cầu (sông Như Nguyệt), Lý Thường Kiệt đã nhân danh thần sông Như Nguyệt làm bốn câu thơ sau...”.⁽⁸⁾

Rồi cả hai cuốn *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 1, 1980) của Văn Tân và Đinh Gia Khánh cùng chung nhận thức: “Bốn câu thơ bất hủ của Lý Thường Kiệt đọc ở đền Trương Hát - Trương Hống đầu xuân năm Đinh Tỵ” (bản Văn Tân);⁽⁹⁾ hay: “Trước Trần Quốc Tuấn hai trăm năm, Lý Thường Kiệt đã có những lời thơ hào hùng và đánh thép trong bài *Nam quốc sơn hà* như sau...” (bản Đinh Gia Khánh).⁽¹⁰⁾

Không còn nghi ngờ gì nữa, nhầm lẫn của Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược* ảnh hưởng rất lớn đến nhiều học giả, sử gia Việt Nam không chỉ một thế hệ. Cùng với sách vở, nó đi vào văn bia, nhà lưu niệm danh nhân, bảo tàng, nếp nghĩ nhân dân... Phải đến năm 1988, trên tạp chí *Tổ quốc*, người ta mới thấy một ý kiến “đảo ngược thực tại” của Giáo sư Hà Văn Tấn, một chuyên gia tên tuổi về giám định sử liệu và văn bản học. Ông viết: “Không một nhà sử học nào có thể chứng minh được rằng bài thơ *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* là của Lý Thường Kiệt. Không có một sử liệu nào cho biết điều đó cả. Sử cũ chỉ chép rằng trong một trận chống Tống ở vùng sông Như Nguyệt, một đêm quân sĩ nghe tiếng ngâm bài thơ đó trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát. Có thể đoán rằng Lý Thường Kiệt đã cho người ngâm thơ. Đi xa hơn, có thể đoán rằng Lý Thường Kiệt là tác giả của bài thơ. Nhưng chỉ là đoán thôi, làm sao nói chắc được bài thơ đó là của Lý Thường Kiệt? Thế nhưng, cho đến nay, mọi người dường như đều tin đó là sự thật, hay nói đúng hơn, không ai dám nghi ngờ đó không phải là sự thật” (*Lịch sử, sự thật và sử học*).⁽¹¹⁾

Còn có thể nói gì hơn về bài viết mang đậm tính *sử bút*, *sử luận* của GS Hà Văn Tấn? Song điều đáng tiếc, bài viết mẫu mực ấy không phải dạng “phổ cập”; hơn nữa, *Lịch sử, sự thật và sử học* còn đề cập đến nhiều vấn đề lớn

và phức tạp khác của khoa học lịch sử, nên những câu chữ về Lý Thường Kiệt và thực chất “bản quyền” bài thơ *Nam quốc sơn hà* này dễ bị “chìm”, khuất lấp trong không ít luận điểm quan trọng khác.

Sau nhận thức “mở đường”, mang tính bản lề - đặt “cột mốc” của GS Hà Văn Tấn thì PGS Bùi Duy Tân là người đã dành nhiều thời gian và tâm huyết để “trả” *Nam quốc sơn hà* về đời sống dân gian (ông dùng ba chữ “vô danh thị” để định danh tác phẩm). Bằng công phu tìm tòi, có trong tay hơn 30 văn bản chữ Hán và nhiều thần tích ghi bài thơ (như *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử tiêu án*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Việt sử diễn âm*, *Trương tôn thần sự tích*...), PGS Bùi Duy Tân kết luận: Không có một văn bản nào ghi nhận Lý Thường Kiệt là tác giả, hoặc tương truyền là tác giả bài thơ; tất cả các văn bản đều ghi nhận bài thơ là của thần Trương Hống, Trương Hát - tướng lĩnh của Triệu Quang Phục; thần đạo thơ của thần, âm phù dương gian trợ quốc an dân (...) kể đã nhiều lần - hai lần giúp Lê Hoàn (981) và Lý Thường Kiệt (1076) chống Tống; bài thơ không hề được tuyển vào các tuyển tập thơ ca chữ Hán đời xưa, trước sau nó vẫn là thành phần cơ hữu trong truyền thuyết dân gian; ngộ nhận Lý Thường Kiệt là tác giả *Nam quốc sơn hà* của Trần Trọng Kim (...) là do tự ý, chứ không dựa vào bất kỳ tư liệu Hán Nôm nào.⁽¹²⁾ Ông dứt khoát: “Nay dựa vào truyền thuyết, huyền tích còn lại thì Lý Thường Kiệt không phải là tác giả của bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Tất cả những ai từng cho bài thơ là của Lý Thường Kiệt đều có thể là *vô đoán, ngộ nhận, ngoa truyền*”.⁽¹³⁾ Đương nhiên, kết luận này làm sáng tỏ sự tồn nghi: bài thơ *Nam quốc sơn hà* đã xuất hiện trước thời đại Lý Thường Kiệt - như nhận thức của Lê Mạnh Thát trong cuốn *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 2), câu chuyện bản quyền chỉ là “bé cái lằm”. Đáng nói hơn, trước khi Lê Mạnh Thát công bố kết quả nghiên cứu của mình (2001) thì PGS Bùi Duy Tân từng viết nhiều bài với cùng nội dung ấy trên nhiều diễn đàn, tạp chí, sách tham khảo, sách giáo khoa các cấp... hy vọng chấm dứt được một “nhầm lẫn thế kỷ”. Độc giả có thể kiểm chứng điều này qua nhiều sách vở do PGS Bùi Duy Tân chủ biên hoặc tham gia chấp bút như: *Văn học 9*,⁽¹⁴⁾ *Tư liệu văn học 10*,⁽¹⁵⁾ *45 năm Khoa Văn học*,⁽¹⁶⁾ *Từ điển tác giả - tác phẩm văn học Việt Nam dùng trong nhà trường*,⁽¹⁷⁾ *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam thế kỷ X - XIX*...⁽¹⁸⁾ Chúng tôi gọi phát hiện của Lê Mạnh Thát mang ý nghĩa “đập tung một cánh cửa đã mở” là vì lẽ đó.

Một nội dung cần lưu tâm nữa trong *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 2) - phần viết về bài thơ *Nam quốc sơn hà* - là việc Lê Mạnh Thát khẳng định thi phẩm này thuộc “bản quyền” Pháp Thuận. Ông Thát viết: “Dù thơ thần đi nữa thì cũng phải do con người làm ra, phải thông qua một người để đọc lên. Vậy ai có khả năng có thể làm bài thơ này? Để trả lời câu hỏi này, ta thấy những người tham gia vào bộ chỉ huy của vua Lê Đại Hành trong cuộc chiến năm 981 không ai có điều kiện gần gũi hơn Pháp Thuận, đặc biệt khi truyện Pháp Thuận đã xác nhận ông là người tham gia “vận trù kế sách” ngay từ lúc vua Lê Đại Hành sáng nghiệp. Hơn nữa, nếu những văn thư ngoại giao dưới

triều Lê Đại Hành là do Pháp Thuận soạn thảo, như trên đã chứng tỏ thì việc Pháp Thuận sáng tác bài thơ ấy là một kết luận hợp lý. Ngoài ra, Pháp Thuận đã có một hệ tư tưởng hoàn chỉnh phát biểu trong bài thơ *Vận nước*^(*) dưới đây. Đây là hai yếu tố khác cho phép xác nhận khả năng Pháp Thuận đã sáng tác bài thơ ấy. Thêm vào đó, bài thơ này hòa nhập một cách nhuần nhuyễn và thể hiện được khuynh hướng nổi bật của dòng văn học thời sự chủ lưu các thế kỷ ấy. Khuynh hướng văn học nổi bật này đã chi phối gần 300 năm phát triển của nền văn học Việt Nam với sự tập trung cao độ của vấn đề nóng bỏng nhất của dân tộc thời bấy giờ là vấn đề làm chủ đất nước...".

Có thể nói, khẳng định trên đây của ông Thát bề ngoài "nghe ra chừng phải quá", song rất chủ quan và khiên cưỡng. Dù Pháp Thuận "có nhiều điều kiện gần gũi" nhất với Lê Hoàn trong cuộc chiến năm 981 hay tham gia "vận trù kế sách" lúc Đại Hành khởi nghiệp, hoặc sáng tác bài thơ "Quốc tộ"... cũng không thể đồng nhất với việc ông sáng tác *Nam quốc sơn hà*. Muốn hay không, ông Thát không thể bác bỏ sự gắn bó hữu cơ giữa thi phẩm này với truyền thuyết Trương Hống, Trương Hát thế kỷ VI, trên vùng văn hóa Kinh Bắc. Chẳng lẽ hai vị thần "đạo văn" của một kẻ hậu thế sau mình hơn... 400 năm? Ngược lại, ông Thát cũng chưa/không chứng minh được các huyền tích, truyền thuyết ấy được "xây dựng" nên sau thời Pháp Thuận. Tác giả dân gian lấy thơ của người hữu danh gán cho thần ư? Chưa thấy "bằng chứng" xác đáng. Ở chỗ này, *dự đoán* của PGS Bùi Duy Tân có lẽ hợp lý hơn: "bài thơ (*Nam quốc sơn hà*) xuất hiện dưới một hình thức nào đó từ thế kỷ VI thời Lý Nam Đế (hầu hết văn bản bài thơ còn lại đều có chữ *Nam đế cư* ở dòng thơ đầu). Rồi cứ tiếp tục lưu truyền, nhập thân vào truyền thuyết Trương Hống, Trương Hát. Đến đời tự chủ thì bài thơ mới đủ điều kiện để xuất hiện như một quốc thi chính thống".⁽¹⁹⁾ Rõ ràng, việc Lê Mạnh Thát gán bài thơ *Nam quốc sơn hà* với tác giả *Quốc tộ* rất thừa tự tin mà thiếu thuyết phục - dẫu nó có một "đời sống" khá đặc biệt, dễ "gán ghép" và chưa phải đã hết những bí ẩn, mã văn hóa cần tiếp tục tìm kiếm.

Mặt khác, nếu nhìn theo góc độ "nhân vật lịch sử" hay "tác gia văn học" thì Pháp Thuận chưa bao giờ là nhân vật/tác gia có nhiều góc khuất đến độ tác phẩm của ông chưa được làm sáng tỏ hoặc nhầm lẫn với người khác. Giở bất kỳ cuốn "Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam", "Từ điển văn học", "Lịch sử Việt Nam" nào - dẫu là tinh giản, sơ lược - hay vào trang tìm kiếm Google trên internet, đọc giả đều có thể biết: *Đỗ Pháp Thuận sinh năm 915, sống vào thời Lê Đại Hành, không rõ tên thật và quê quán; là một nhà sư thuộc thế hệ thứ mười dòng thiền Nam phương. Ông có kiến thức uyên bác, tài văn thơ, tích cực tham gia vào việc匡扶 phò nhà Tiền Lê. Đương thời, Pháp Thuận được vua Lê Đại Hành phong đến chức Pháp sư. Thế nhưng, ông không nhận mọi sự phong thưởng của triều đình. Vì thế, nhà vua lại càng biêt đãi, lúc ông vào*

* Theo PGS Bùi Duy Tân, trong văn bản chữ Hán, bài thơ này không có tên. *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 1) xuất bản năm 1980 đặt tên bài thơ là *Quốc tộ*. Nguyên văn: "Quốc tộ như đăng lạc/Nam thiên lý thái bình/Vô vi cư diện các/Xứ xứ túc đao binh". Dịch thơ: "Vận nước bền vững mãi/Trời Nam mở thái bình/Vô vi trong diện gác/Chốn chốn hết đao binh" (Bùi Duy Tân dịch). Theo hannom.org.vn. BBT.

châu chỉ gọi họ mà không gọi tên (Đỗ Pháp sư). Cùng với nhà sư Khuông Việt, ông từng giữ những công việc cố vấn quan trọng dưới triều Tiền Lê. Có lần, ông được cử đi đón sứ giả Lý Giác nhà Tống. Tài ứng đối của Pháp Thuận đã để lại cho Lý Giác “nổi kinh ngạc lẫn niềm cảm phục”. Ông mất năm Canh Dần (990), niên hiệu Hưng Thống thứ hai, thọ 76 tuổi (tuổi ta). Tác phẩm Đỗ Pháp Thuận hiện còn một bài thơ trả lời Lê Đại Hành khi được hỏi về vận nước. Tác phẩm chính “Bồ tát hiệu sám hối văn” của ông đã thất truyền...

Hẳn là nếu ông sáng tác thi phẩm *Nam quốc sơn hà*, lịch sử Việt Nam nói chung, lịch sử văn học dân tộc nói riêng đã trân trọng ghi nhận, không thể “bỏ qua” hoặc “lãng quên”, không đề cập tới như chúng ta từng biết? Chẳng phải tác phẩm của ông bị “thất truyền” cũng được nhắc đến sao? Trên luống chữ, Lê tiên sinh không bàn tới khả năng hoặc chứng minh được *Nam quốc sơn hà* là tác phẩm thuộc *Bồ tát hiệu sám hối văn* mà ông hoặc người khác mới tìm lại. Và nói cho “hết nhẽ”, việc không gắn tên Pháp Thuận hay Lý Thường Kiệt với bài thơ *Nam quốc sơn hà* cũng chẳng ảnh hưởng tới vị trí của hai ông trong thế kỷ X - XI: một người tham gia “vận trù kế sách” lúc Lê Hoàn sáng nghiệp, xây nền đắp móng cho sự nghiệp “đánh Tống bình Chiêm” rạng rỡ; một người võ công hiển hách cả ngàn năm.

Cho dù người viết không đồng tình với tác giả *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 2) - phần viết về người sáng tác bài thơ *Nam quốc sơn hà* - nhưng phải thừa nhận: Lê Mạnh Thát là học giả ưa tìm tòi, không chấp nhận những suy nghĩ, lối tư duy và kết luận khoa học đã được mặc nhiên thừa nhận - ông muốn nhìn nó theo hướng “động” chứ không “tĩnh”, với một tinh thần hoài nghi cần thiết... Có điều, trong trường hợp cụ thể này, không hiểu sao, kết quả nghiên cứu của học giới (GS Hà Văn Tấn, PGS Bùi Duy Tân...) không được ông *cập nhật* hoặc còn mang tính chủ quan, khiến kiến giải ông đưa ra ***đúng mà không mới*** (giải ảo câu chuyện Lý Thường Kiệt là tác giả *Nam quốc sơn hà*), hoặc ***mới lại không đúng*** (giành “bản quyền” bài thơ này cho Pháp Thuận). Thật đáng tiếc!

Cuối cùng, chúng tôi không hề ảo tưởng về những gì đã đề cập. Hiểu biết trên đây là sự kế thừa công sức, tâm huyết của nhiều nhà khoa học bậc thầy: GS Hà Văn Tấn, PGS Bùi Duy Tân - cũng như các bậc thức giả kính khác, người viết chỉ làm công việc hệ thống lại với thêm đôi chút tìm tòi, mong độc giả có một cái nhìn toàn diện!

P V T H

CHÚ THÍCH

- (1) Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 2), Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2001, tr 473-485. Mọi dẫn chứng về Lê Mạnh Thát trong bài, chúng tôi đều dẫn từ sách này.
- (2) Hoàng Cao Khải, *Việt sử yếu*, Nxb Nghệ An, 2007, tr. 168 (bản dịch) và 521 (nguyên văn chữ Hán).
- (3) Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược* (tái bản), Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 112.
- (4) Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử yếu* (in lần thứ 10), Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1968, tr. 231-232.

- (5) Nguyễn Đồng Chi, *Việt Nam cổ văn học sử*, Hàn Thuyên xuất bản cục, 1942, tr. 143.
- (6) Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt*, Nxb Sông Nhị, 1949, tr. 303.
- (7) Nhiều tác giả, *Thơ văn Lý-Trần* (tập 1, phần viết của Nguyễn Huệ Chi), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 318-322.
- (8) *Lịch sử văn học Việt Nam* (tập 1), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1980, tr. 192.
- (9) Văn Tân (Chủ biên), *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 1), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1980, tr. 231.
- (10) *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 1), sdd, tr. 114.
- (11) Hà Văn Tấn, “Lịch sử, sự thật và sử học”, báo *Tổ quốc*, số 1/1988.
- (12) Bùi Duy Tân, *Tuyển tập*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 51-52.
- (13) Bùi Duy Tân, sdd, tr. 29.
- (14) *Văn học 9*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 28.
- (15) *Tư liệu văn học 10*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 211.
- (16) Xin xem thêm *45 năm Khoa Văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- (17) Nhiều tác giả, *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam dùng trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 275.
- (18) Bùi Duy Tân (Chủ biên), *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam thế kỷ X - XIX* (tập 1, tái bản), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 31.
- (19) Bùi Duy Tân, *Tuyển tập*, sdd, tr. 54.

TÓM TẮT

Nam quốc sơn hà là bài thơ nổi tiếng bậc nhất trong kho tàng văn học dân tộc. Từ nhầm lẫn của nhà sử học Trần Trọng Kim đầu thế kỷ 20, rất nhiều học giả Việt Nam mặc nhiên thừa nhận đây là sáng tác của võ tướng Lý Thường Kiệt. Với nhiều công phu tìm tòi, nghiên cứu, các Giáo sư Hà Văn Tấn, Bùi Duy Tân có cơ sở khẳng định sự ngộ nhận này. Thế nhưng gần đây, Giáo sư Lê Mạnh Thát lại muốn gắn “bản quyền” bài thơ *Nam quốc sơn hà* với thiền sư Pháp Thuận (915-990) thời vua Lê Đại Hành chống quân xâm lược Tống (981). Bài viết của chúng tôi không đồng tình với hướng nhận thức này bởi ngoài những lý giải cảm tính, chủ quan của Lê Mạnh Thát thì các nguồn tư liệu còn lại của nước ta sau hơn một nghìn năm không cho thấy tư cách tác giả của Pháp Thuận với bài thơ *Nam quốc sơn hà*; thậm chí, bài thơ ấy nhiều khả năng ra đời trước thời đại Pháp Thuận.

ABSTRACT

IS PHÁP THUẬN THE AUTHOR OF THE POEM *NAM QUỐC SƠN HÀ*?

Nam quốc sơn hà is one of the most famous poems in the national literature. Due to the error of historian Trần Trọng Kim in the beginning of the 20th century, many Vietnamese scholars have automatically recognised that the poem was written by General Lý Thường Kiệt. As a result of scientific research conducted in many years, Professors Hà Văn Tấn and Bùi Duy Tân have a firm basis to confirm that the author of *Nam quốc sơn hà* is not Lý Thường Kiệt. Recently, Prof. Lê Mạnh Thát tended to attach the “authorship” of this work to Buddhist Zen Master Pháp Thuận (915-990) who lived during the resistance war against Chinese Song Dynasty during the reign of King Lê Đại Hành (according to *Vietnamese Buddhist History*, Volume 2, Hồ Chí Minh City Publishing House, 2001). As presented in the article, we do not have sympathy for Professor Lê Mạnh Thát’s views due to his impulsive and subjective explanations; moreover, no historical documents existing after more than a thousand years could prove Pháp Thuận’s authorship over the poem *Nam quốc sơn hà*; meanwhile, the poem may be composed before the times of Pháp Thuận.